

Số: 291/QĐ-CDYT

Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Thành lập Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện
Học kỳ I năm học 2024-2025 của các lớp Cao Đẳng Dược K14**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ ĐÔNG

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động thương binh xã hội về việc ban hành Điều lệ Trường Cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 17/2017/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động thương binh xã hội về việc ban hành quy chế công tác học sinh, sinh viên trong trường trung cấp, trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 492/QĐ-TCĐYT-HSSV ngày 21/08/2023 của trường Cao đẳng y tế Hà Đông ban hành quy chế về công tác học sinh sinh viên trường cao đẳng y tế Hà Đông;

Căn cứ Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông về việc quy định chức năng, nhiệm vụ của phòng Quản lý học sinh sinh viên;

Xét đề nghị của Trưởng phòng CTCT & QLHSSV.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thành lập Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện Học kỳ I năm học 2024-2025 của các lớp Cao Đẳng Dược K14 gồm những ông bà có tên sau:

- Ông Nguyễn Đăng Trường, Hiệu trưởng - Chủ tịch Hội đồng.
- Bà Lê Thị Thu Trang, P.hiệu trưởng - Phó chủ tịch Hội đồng.
- Ông Nguyễn Văn Lệ, P.hiệu trưởng - Ủy viên
- Bà Nguyễn Thị Ái Hương, Trưởng phòng CTCT& QLHSSV - Thường trực Hội đồng.
- Bà Lê Thị Toan, phòng CTCT&QLHSSV - Ủy viên
- Ông Nguyễn Minh Xuyên, Trưởng Phòng Đào tạo & QLKH - Ủy viên.
- Bà Trần Thị Hồng Hoa, Trưởng phòng KHTC - Ủy viên.
- Ông Trần Văn Long, BT Đoàn Thanh niên - Ủy viên.
- Bà Trịnh Thị Khuyên, phòng CTCT&QLHSSV - Ủy viên, phụ trách ngành CD Dược – Thư ký.
- Bà Nghiêm Thị Thu Huyền, phòng CTCT&QLHSSV - Ủy viên

11. Bà Nguyễn Thị Nga – GVCN CĐ Dược K14A1, 2, 3, 4 - Ủy viên.
12. Bà Dư Quốc Đông - GVCN CĐ Dược 14A5, 6, 7, 8 - Ủy viên.
13. Bà Nguyễn Thị Ngọc - GVCN CĐ Dược 14A9, 10, 11, 12 - Ủy viên.
14. Bà Chu Thị Hồng - GVCN CĐ Dược 14A13, 14, 15, 16, 17- Ủy viên.

Điều 2: Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện Học kỳ I năm học 2024-2025 của các lớp Cao Đẳng Dược K14 thực hiện nhiệm vụ theo quy định của trường Cao đẳng Y tế Hà Đông và các quy định của pháp luật hiện hành.

Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3: Các ông bà có tên tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.
Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. /g

Nơi nhận :

- Ban Giám hiệu ;
- Như điều 1 (để t/hiện) ;
- Lưu VT, QLHSSV



Nguyễn Đăng Trường

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025 CÁC LỚP CĐ DƯỢC K14**

Hôm nay vào hồi 15 giờ 30 ngày 14 tháng 5 năm 2025 tại hội trường 6.07
Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông họp Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện:

I. Thành phần Hội đồng xét duyệt:

1. Ông Nguyễn Đăng Trường - Hiệu trưởng - Chủ tịch Hội đồng – Chủ tọa.
2. Bà Lê Thị Thu Trang - Phó Hiệu trưởng – Phó CT hội đồng
3. Ông Nguyễn Văn Lê - Phó Hiệu trưởng - Ủy viên
4. Bà Nguyễn Thị Ái Hương - TP CTCT & QLHSSV – Thường trực HĐ
5. Bà Trịnh Thị Khuyên - P.CTCT&QLHSSV - Thư ký hội đồng

Cùng các ông bà có tên trong quyết định số 91/QĐ-CDYT ngày 12 tháng 5 năm 2025

- Có mặt đ/c

- Vắng: Đe. Đan. Văn. Long. (P).....

.....
.....

II. Nội dung:

- Ths. Nguyễn Thị Ái Hương - Trưởng phòng CTCT & QLHSSV – Thường trực Hội đồng đọc quyết định thành lập Hội đồng đánh giá điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025 các lớp CĐ Dược k14.

- Các đồng chí phụ trách các chuyên ngành báo cáo kết quả rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025 các lớp CĐ Dược k14.

- Căn cứ quy chế về công tác học sinh sinh viên trường cao đẳng y tế Hà Đông ban hành kèm theo quyết định số 492/QĐ-TCDYT-HSSV ngày 21/8/2023.

Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện tiến hành xét duyệt điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025 của từng lớp cụ thể như sau:

1. Lớp Đ. Dược. 14A1: Sĩ Số: 23.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có 0.....sv, đạt 0.....%

ĐRL loại Tốt có 7.....sv, đạt 30,4.....%

ĐRL loại Khá có 8.....sv, đạt 34,8.....%

ĐRL loại Trung bình có 8.....sv, đạt 34,8.....%

ĐRL loại Yếu có 0.....sv, đạt 0.....%

2. Lớp Đ. Dược. 14A2 Sĩ Số: 22.....sv



Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có1.....sv, đạt ...4,5...%
ĐRL loại Tốt có7.....sv, đạt ...31,8...%
ĐRL loại Khá có ...12.....sv, đạt ...54,5...%
ĐRL loại Trung bình có2.....sv, đạt ...9,1...%
ĐRL loại Yếu có0.....sv, đạt0...%

3. Lớp ĐH Dược 14A3...: Sĩ Số:23.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có3.....sv, đạt ...13...%
ĐRL loại Tốt có4.....sv, đạt ...17,4...%
ĐRL loại Khá có ...15.....sv, đạt ...65,2...%
ĐRL loại Trung bình có1.....sv, đạt ...4,3...%
ĐRL loại Yếu có0.....sv, đạt ...0...%

4. Lớp ĐH Dược 14A4...: Sĩ Số:24.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có1.....sv, đạt ...4,2...%
ĐRL loại Tốt có8.....sv, đạt ...33,3...%
ĐRL loại Khá có ...11.....sv, đạt ...45,8...%
ĐRL loại Trung bình có4.....sv, đạt ...16,7...%
ĐRL loại Yếu có0.....sv, đạt ...0...%

5. Lớp ĐH Dược 14A5...: Sĩ Số:25.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có3.....sv, đạt ...12...%
ĐRL loại Tốt có7.....sv, đạt ...28...%
ĐRL loại Khá có ...11.....sv, đạt ...44...%
ĐRL loại Trung bình có4.....sv, đạt ...16...%
ĐRL loại Yếu có0.....sv, đạt ...0...%

6. Lớp ĐH Dược 14A6...: Sĩ Số:22.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có0.....sv, đạt ...0...%
ĐRL loại Tốt có6.....sv, đạt ...27,3...%
ĐRL loại Khá có ...15.....sv, đạt ...68,2...%
ĐRL loại Trung bình có1.....sv, đạt ...4,5...%
ĐRL loại Yếu có0.....sv, đạt ...0...%

7. Lớp ĐH Dược 14A7...: Sĩ Số:24.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có1.....sv, đạt ...4,2...%
ĐRL loại Tốt có5.....sv, đạt ...20,8...%

ĐRL loại Khá có ...15....sv, đạt .62,5..%

ĐRL loại Trung bình có3.....sv, đạt .12,5..%

ĐRL loại Yếu có0....sv, đạt0....%

8. Lớp ..CA.Dức...K14A8... Sĩ Số:23.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có0.....sv, đạt0....%

ĐRL loại Tốt có4.....sv, đạt .17,4..%

ĐRL loại Khá có .18.....sv, đạt .78,3..%

ĐRL loại Trung bình có ...1.....sv, đạt .4,3...%

ĐRL loại Yếu có0....sv, đạt0....%

9. Lớp .CA.Dức...K14A9..... Sĩ Số:20.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có ...1.....sv, đạt ...5.....%

ĐRL loại Tốt có ...6.....sv, đạt .30.....%

ĐRL loại Khá có ...12.....sv, đạt ...60....%

ĐRL loại Trung bình có ...1.....sv, đạt ...5.....%

ĐRL loại Yếu có0...sv, đạt ...0....%

10. Lớp .CA.Dức...K14A10.: Sĩ Số:17.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có0....sv, đạt0....%

ĐRL loại Tốt có5....sv, đạt ...29,4..%

ĐRL loại Khá có ...11.....sv, đạt ...64,7..%

ĐRL loại Trung bình có1.....sv, đạt ...5,9...%

ĐRL loại Yếu có0.....sv, đạt ...0....%

11. Lớp .CA.Dức...K14A11.: Sĩ Số:24.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có ...3.....sv, đạt .12,5..%

ĐRL loại Tốt có5....sv, đạt .20,8...%

ĐRL loại Khá có8....sv, đạt ...33,3..%

ĐRL loại Trung bình có8....sv, đạt .33,3...%

ĐRL loại Yếu có0.....sv, đạt ...0....%

12. Lớp .CA.Dức...K14A12: Sĩ Số:21.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có1.....sv, đạt4,8...%

ĐRL loại Tốt có5....sv, đạt .23,8...%

ĐRL loại Khá có ...13.....sv, đạt .61,9...%

ĐRL loại Trung bình có2....sv, đạt ...9,5...%

ĐRL loại Yếu có0....sv, đạt ...0....%

13. Lớp ...~~CA.Dục~~...~~K14.A13~~: Sĩ Số:21.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có0....sv, đạt ...0....%

ĐRL loại Tốt có ...10....sv, đạt ...47,6...%

ĐRL loại Khá có ...10....sv, đạt ...47,6...%

ĐRL loại Trung bình có1....sv, đạt ...4,8....%

ĐRL loại Yếu có ...0....sv, đạt ...0....%

14. Lớp ...~~CA.Dục~~...~~K14.A14~~: Sĩ Số:23.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có1....sv, đạt ...4,3...%

ĐRL loại Tốt có6....sv, đạt ...26,1...%

ĐRL loại Khá có15....sv, đạt ...65,2...%

ĐRL loại Trung bình có ...1....sv, đạt ...4,3...%

ĐRL loại Yếu có0....sv, đạt ...0....%

15. Lớp ...~~CA.Dục~~...~~K14.A15~~: Sĩ Số:19.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có1....sv, đạt ...5,3...%

ĐRL loại Tốt có4....sv, đạt ...21,1...%

ĐRL loại Khá có ...13....sv, đạt ...68,4...%

ĐRL loại Trung bình có0....sv, đạt0....%

ĐRL loại Yếu có ...1....sv, đạt ...5,3...%

16. Lớp ...~~CA.Dục~~...~~K14.A16~~: Sĩ Số:22.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có0....sv, đạt0....%

ĐRL loại Tốt có3....sv, đạt ...13,6...%

ĐRL loại Khá có ...15....sv, đạt ...68,2...%

ĐRL loại Trung bình có4....sv, đạt ...18,2...%

ĐRL loại Yếu có0....sv, đạt ...0....%

17. Lớp ...~~CA.Dục~~...~~K14.A17~~: Sĩ Số:23.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có0....sv, đạt ...0....%

ĐRL loại Tốt có6....sv, đạt ...26,4...%

ĐRL loại Khá có ...16....sv, đạt ...69,6...%

ĐRL loại Trung bình có1....sv, đạt ...4,3...%

ĐRL loại Yếu có0....sv, đạt ...0....%

Đề nghị phòng CTCT & QL HSSV hoàn thiện bảng điểm rèn luyện đã được đánh giá và niêm yết danh sách công khai tới các lớp.

- Biên bản được thông qua trước toàn thể hội đồng với sự tán thành của100%.....đ/c dự họp.
- Cuộc họp kết thúc ..16.h.00...phút cùng ngày.

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

Trịnh Thị Khuyên

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Nguyễn Đăng Trường

CÁC THÀNH VIÊN TRONG HỘI ĐỒNG

Chu Thị Hồng

Mr. Quốc Dũng

Nguyễn Văn Lê

Mr. T. A. Hoàng

Nguyễn Thị Nga

Ng Thị Ngọc

Trần Thị Hồng Hoa

Lê Thị Thu Trang

Nguyễn Minh Dương

Lê Thị Dung

Số: 312 /QĐ-CDYT

Hà Nội, ngày 26 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận điểm rèn luyện Học kỳ I năm học 2024- 2025 cho học sinh, sinh viên các lớp Cao đẳng Dược K14

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ ĐÔNG

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động thương binh và xã hội về việc ban hành Điều lệ Trường Cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 17/2017/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động thương binh và xã hội về việc ban hành quy chế công tác học sinh sinh viên trong trường Trung cấp, trường Cao đẳng;

Căn cứ Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Lao động Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy Mô-đun hoặc tín chỉ.

Căn cứ Quyết định số 492/QĐ- TCYT – HSSV ngày 21/8/2023 của trường Cao đẳng Y Tế Hà Đông ban hành quy chế về công tác học sinh sinh viên trường cao đẳng y tế Hà Đông.

Căn cứ biên bản cuộc họp ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng đánh giá điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025 các lớp Cao đẳng Dược K14.

Xét đề nghị của Trưởng phòng Công tác chính trị & Quản lý học sinh sinh viên

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công nhận điểm rèn luyện Học kỳ I năm học 2024-2025 cho HSSV các lớp: Cao đẳng Dược K14 (Có DS đính kèm)

Điều 2: Kết quả rèn luyện được lưu tại Phòng CTCT& Quản lý HSSV và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Các ông/bà Trưởng phòng Công tác Chính trị và Quản lý học sinh sinh viên, phòng Đào tạo và Quản lý khoa học, GVCVHT và HSSV có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi gửi:

- Ban Giám hiệu (để BC)
- Như điều 3 (để t/hiện) ;
- Các phòng, GVCN (phối hợp) ;
- ĐTN (phối hợp) ;
- Lưu VT, CTCT&QLHSSV



HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC K14A1

Học kỳ I - Năm học 2024-2025 (Kỳ 1)

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC KỲ I		Ghi chú
			Tổng điểm	Xếp loại	
1	Bùi Thị Ngọc Anh	12/01/2006	73	Khá	
2	Bùi Thị Quỳnh Anh	07/7/2006	72	Khá	
3	Nguyễn Lê Quỳnh Anh	11/8/2006	71	Khá	
4	Hoàng Đỗ Ngọc Ánh	24/5/2006	61	Trung bình	
5	Nguyễn Thành Danh	01/01/2006	89	Tốt	
6	Vũ Thị Thùy Dung	29/4/2006	88	Tốt	
7	Nguyễn Thị Hà	15/4/2006	65	Trung bình	
8	Trần Thu Hằng	10/11/2006	69	Trung bình	
9	Đào Thị Hiền	03/5/2006	76	Khá	
10	Nguyễn Thu Hiền	21/10/2006	73	Khá	
11	Dương Thị Ngọc Hoa	09/10/2006	62	Trung bình	
12	Nguyễn Hải Huệ	01/01/2006	77	Khá	
13	Nguyễn Thị Khuyên	20/7/2006	75	Khá	
14	Đỗ Thị Khánh Linh	22/12/2006	80	Tốt	
15	Dương Thị Khánh Linh	14/4/2006	78	Khá	
16	Trần Nguyễn Khánh Linh	18/10/2006	67	Trung bình	
17	Doãn Thanh Ngân	04/12/2006	62	Trung bình	
18	Nguyễn Thị Kim Ngân	01/3/2006	64	Trung bình	
19	Dư Thị Yến Nhi	23/01/2006	83	Tốt	
20	Nguyễn Thị Mai Phương	11/5/2006	80	Tốt	
21	Phạm Thị Thu Phương	15/5/2006	61	Trung bình	
22	Tạ Thị Thu	12/6/2006	81	Tốt	
23	Doãn Hải Yến	25/10/2006	88	Tốt	

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ I	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)
1	Xuất sắc	0	0.0
2	Tốt	7	30.4
3	Khá	8	34.8
4	Trung bình	8	34.8
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		23	100.0

NGƯỜI LẬP

Trịnh Thị Khuyên

TP.CTCT&QLHSSV

Nguyễn Thị Ái Hương



HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC K14A2

Học kỳ I - Năm học 2024-2025 (Kỳ 1)

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC KỲ I		Ghi chú
			Tổng điểm	Xếp loại	
1	Nguyễn Việt Anh	08/5/2006	62	Trung bình	
2	Dương Thị Minh Ánh	05/9/2006	76	Khá	
3	Vũ Thị Dung	07/01/2006	72	Khá	
4	Nguyễn Ngọc Diễm	06/8/2006	71	Khá	
5	Đỗ Kiều Giang	24/10/2003	68	Trung bình	
6	Nguyễn Thị Thu Hoài	07/02/2006	74	Khá	
7	Hồ Thị Hưng	25/7/2006	71	Khá	
8	Nguyễn Ngọc Huyền	24/10/2002	71	Khá	
9	Đào Minh Khánh	02/6/2006	70	Khá	
10	Bùi Trà My	01/01/2006	71	Khá	
11	Nguyễn Thị Ngọc	12/3/2006	90	Xuất sắc	
12	Lê Thị Nguyệt	05/01/2005	87	Tốt	
13	Dương Thị Nha	19/5/2005	79	Khá	
14	Lê Thị Oanh	23/7/2006	87	Tốt	
15	Nguyễn Thu Phương	06/8/2006	74	Khá	
16	Phạm Thị Như Quỳnh	25/02/2006	84	Tốt	
17	Phan Diễm Quỳnh	24/5/2006	80	Tốt	
18	Đinh Công Sơn	01/9/2004	75	Khá	
19	Nguyễn Ngọc Trường Sơn	23/9/2006	76	Khá	
20	Nguyễn Thu Thủy	25/3/2006	86	Tốt	
21	Nguyễn Thị Huyền Trang	26/8/2006	83	Tốt	
22	Nguyễn Mai Vân	29/1/2006	85	Tốt	

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ I	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)
1	Xuất sắc	1	4.5
2	Tốt	7	31.8
3	Khá	12	54.5
4	Trung bình	2	9.1
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		22	100.0

NGƯỜI LẬP

Trịnh Thị Khuyên

TP.CTCT&QLHSSV

Nguyễn Thị Ái Hương

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Dân Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC K14A3

Học kỳ I - Năm học 2024-2025 (Kỳ 1)

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC KỲ I		Ghi chú
			Tổng điểm	Xếp loại	
1	Khúc Mai Anh	20/6/2006	79	Khá	
2	Phạm Thùy Dương	08/5/2006	77	Khá	
3	Nguyễn Ngọc Hà	23/02/2005	90	Xuất sắc	
4	Nguyễn Thị Hà	04/9/2006	77	Khá	
5	Nguyễn Công Hân	31/10/2006	67	Trung bình	
6	Bùi Quang Hào	20/01/2002	90	Xuất sắc	
7	Trần Thị Minh Hiền	16/12/2005	83	Tốt	
8	Lê Xuân Hiếu	23/6/2006	79	Khá	
9	Kim Thị Bích Hồng	19/8/2005	77	Khá	
10	Nguyễn Thị Hồng	03/02/2006	77	Khá	
11	Ngô Thị Hồng Huệ	19/8/2006	80	Tốt	
12	Trần Thị Hương	22/12/2004	79	Khá	
13	Đinh Khánh Linh	28/01/2006	74	Khá	
14	Phạm Thùy Linh	15/9/2005	77	Khá	
15	Trương Huyền Linh	25/11/2006	81	Tốt	
16	Nguyễn Thị Minh	23/02/2003	90	Xuất sắc	
17	Đào Thị Thúy Nga	03/7/2004	77	Khá	
18	Hà Quỳnh Nhi	31/8/2006	77	Khá	
19	Nguyễn Thị Hồng Nhi	27/11/2006	77	Khá	
20	Kiều Thị Thanh Thảo	29/10/2006	77	Khá	
21	Nguyễn Thị Thu	28/11/2003	80	Tốt	
22	Thiều Thị Thanh Thư	03/12/2005	78	Khá	
23	Nguyễn Huy Tùng	20/10/2006	70	Khá	

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ I	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)
1	Xuất sắc	3	13.0
2	Tốt	4	17.4
3	Khá	15	65.2
4	Trung bình	1	4.3
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		23	100.0

NGƯỜI LẬP

Trịnh Thị Khuyên

TP.CTCT&QLHSSV

Nguyễn Thị Ái Hương

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC K14A4

Học kỳ I - Năm học 2024-2025 (Kỳ 1)

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC KỲ I		Ghi chú
			Tổng điểm	Xếp loại	
1	Trần Thị Lan Anh	18/12/2006	72	Khá	
2	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	15/01/2006	80	Tốt	
3	Nguyễn Thúy Hằng	21/11/2006	87	Tốt	
4	Đỗ Thu Hiền	25/4/2006	84	Tốt	
5	Quách Thị Phương Hoa	05/01/2002	81	Tốt	
6	Lê Thị Khánh Huyền	23/11/2006	50	Trung bình	
7	Hoàng Thị Thanh Loan	19/9/2005	90	Xuất sắc	
8	Nguyễn Thị Ly	06/12/2006	71	Khá	
9	Nghiêm Thị Thanh Mai	23/01/2006	85	Tốt	
10	Đinh Thúy Mừng	30/10/2005	74	Khá	
11	Phạm Thị Thu Ngân	04/7/2006	71	Khá	
12	Lưu Thị Khánh Ngọc	11/8/2006	72	Khá	
13	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	21/01/2006	57	Trung bình	
14	Dương Duy Quyên	06/6/2006	73	Khá	
15	Bùi Thị Như Quỳnh	05/9/2004	80	Tốt	
16	Trần Mạnh Quỳnh	23/11/2006	70	Khá	
17	Đỗ Thị Hồng Thắm	21/3/2006	82	Tốt	
18	Nguyễn Thị Nguyệt Thương	17/10/2005	71	Khá	
19	Đặng Đài Trang	09/12/2006	71	Khá	
20	Đỗ Thị Thu Trang	29/11/2006	72	Khá	
21	Nguyễn Cẩm Tú	15/8/2006	72	Khá	
22	Đào Minh Tuấn	13/11/2004	61	Trung bình	
23	Đỗ Minh Tuấn	13/8/2006	68	Trung bình	
24	Nguyễn Thị Yên	21/8/2006	80	Tốt	

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ I	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)
1	Xuất sắc	1	4.2
2	Tốt	8	33.3
3	Khá	11	45.8
4	Trung bình	4	16.7
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		24	100.0

NGƯỜI LẬP


Trịnh Thị Khuyên

TP.CTCT&QLHSSV


Nguyễn Thị Ái Hương

HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC K14A5

Học kỳ I - Năm học 2024-2025 (Kỳ 1)

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC KỲ I		Ghi chú
			Tổng điểm	Xếp loại	
1	Đàm Quỳnh Anh	13/4/2006	75	Khá	
2	Nguyễn Linh Anh	15/7/2006	78	Khá	
3	Vũ Phương Anh	27/10/2006	79	Khá	
4	Bùi Thanh Bình	20/10/2006	60	Trung bình	
5	Bùi Thị Thúy Bun	06/10/2001	90	Xuất sắc	
6	Bùi Ngọc Đạt	24/12/2006	60	Trung bình	
7	Phạm Trung Đức	18/7/2006	88	Tốt	
8	Lê Thị Hương Giang	05/9/2006	78	Khá	
9	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	03/8/1998	88	Tốt	
10	Nguyễn Thị Hiền	16/6/2006	81	Tốt	
11	Nguyễn Đức Hiếu	01/12/2006	64	Trung bình	
12	Đinh Thị Tâm Lan	14/7/2005	73	Khá	
13	Nguyễn Thị Linh	17/10/2001	90	Xuất sắc	
14	Phạm Tuấn Linh	01/12/2001	83	Tốt	
15	Nguyễn Thị Loan	11/11/2006	80	Tốt	
16	Nguyễn Ngọc Mạnh	03/9/2005	74	Khá	
17	Lê Thị Hồng Nhung	19/12/2006	88	Tốt	
18	Trần Thị Minh Phượng	01/9/2006	77	Khá	
19	Nguyễn Thị Thanh Tâm	22/01/2006	75	Khá	
20	Nguyễn Kim Thành	12/7/2000	70	Khá	
21	Đoàn Anh Thư	05/12/2006	61	Trung bình	
22	Đỗ Thị Thu Thương	06/7/2005	81	Tốt	
23	Lê Thị Trà	09/4/2006	73	Khá	
24	Nguyễn Hương Trà	01/01/2006	77	Khá	
25	Kiều Mai Uyên	04/01/2005	90	Xuất sắc	

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ I	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)
1	Xuất sắc	3	12
2	Tốt	7	28
3	Khá	11	44
4	Trung bình	4	16
5	Yếu	0	0
Tổng số SV		25	100

NGƯỜI LẬP

Trịnh Thị Khuyên

TP.CTCT&QLHSSV

Nguyễn Thị Ái Hương

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC K14A6

Học kỳ I - Năm học 2024-2025 (Kỳ 1)

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC KỲ 1		Ghi chú
			Tổng điểm	Xếp loại	
1	Nguyễn Hoàng Ngọc Anh	22/12/2006	75	Khá	
2	Quách Ngọc Anh	05/01/2006	80	Tốt	
3	Vũ Thị Ngọc Ánh	22/10/2006	88	Tốt	
4	Đinh Văn Đạt	05/11/2006	75	Khá	
5	Nông Hồng Diệp	11/8/2006	70	Khá	
6	Phạm Minh Đức	11/12/2005	73	Khá	
7	Hoàng Anh Dũng	28/10/2005	73	Khá	
8	Phạm Thị Hà Giang	09/8/2006	83	Tốt	
9	Hoàng Thanh Huyền	03/12/2006	75	Khá	
10	Ngô Ngọc Khánh	10/11/2006	84	Tốt	
11	Ngô Thị Kiều Linh	25/5/2006	76	Khá	
12	Tạ Thu Ngân	22/11/2006	77	Khá	
13	Nguyễn Yến Nhi	27/5/2006	72	Khá	
14	Nguyễn Yến Như	18/02/2006	71	Khá	
15	Ngô Thị Kim Oanh	28/7/2006	70	Khá	
16	Nguyễn Minh Phương	29/7/2006	78	Khá	
17	Lê Thu Thanh	30/01/2006	86	Tốt	
18	Nguyễn Thị Anh Thư	04/12/2006	67	Trung bình	
19	Trần Thúy Thương	20/11/2004	70	Khá	
20	Tạ Thị Thùy Trang	08/8/2006	77	Khá	
21	Vũ Lê Hải Triều	09/6/2006	73	Khá	
22	Phạm Thị Vân	27/01/2002	80	Tốt	

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ I	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)
1	Xuất sắc	0	0.0
2	Tốt	6	27.3
3	Khá	15	68.2
4	Trung bình	1	4.5
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		22	100.0

NGƯỜI LẬP

Trịnh Thị Khuyên

TP.CTCT&QLHSSV

Nguyễn Thị Ái Hương



HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC K14A7

Học kỳ I - Năm học 2024-2025 (Kỳ 1)

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC KỲ I		Ghi chú
			Tổng điểm	Xếp loại	
1	Bùi Phương Anh	06/10/2006	70	Khá	
2	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	12/12/2006	70	Khá	
3	Trần Quỳnh Anh	13/11/2006	74	Khá	
4	Võ Hoàng Vi Anh	12/3/2006	72	Khá	
5	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	30/7/2006	90	Xuất sắc	
6	Trần Văn Chiến Đạt	15/9/2006	72	Khá	
7	Nguyễn Thái Điệp	01/7/2006	63	Trung bình	
8	Bùi Thị Hương Giang	19/12/2006	71	Khá	
9	Nguyễn Thị Mai Hằng	03/10/2006	70	Khá	
10	Nguyễn Thị Hiền	17/7/2006	81	Tốt	
11	Đào Quỳnh Hương	28/10/2006	71	Khá	
12	Nguyễn Thị Ngọc Linh	03/01/2006	73	Khá	
13	Tạ Thị Ngọc Linh	04/9/2005	73	Khá	
14	Nguyễn Thị Kim Ngân	15/7/1999	80	Tốt	
15	Chu Hồng Ngọc	11/9/2006	85	Tốt	
16	Trần Thị Minh Nguyệt	10/7/2006	85	Tốt	
17	Nguyễn Văn Thắng	09/02/2006	68	Trung bình	
18	Nguyễn Thị Huyền Trâm	25/12/2006	76	Khá	
19	Đoàn Thu Trang	20/12/2006	72	Khá	
20	Nguyễn Thị Hà Trang	02/01/2006	75	Khá	
21	Phạm Thị Thùy Trang	24/02/2006	84	Tốt	
22	Nguyễn Quý Tuyền	22/7/2006	67	Trung bình	
23	Hoàng Thị Huyền Vy	13/5/2006	70	Khá	
24	Phạm Thảo Vy	10/11/2006	75	Khá	

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ I	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)
1	Xuất sắc	1	4.2
2	Tốt	5	20.8
3	Khá	15	62.5
4	Trung bình	3	12.5
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		24	100.0

NGƯỜI LẬP

Trịnh Thị Khuyên

TP.CTCT&QLHSSV

Nguyễn Thị Ái Hương

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC K14A8

Học kỳ I - Năm học 2024-2025 (Kỳ 1)

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC KỲ I		Ghi chú
			Tổng điểm	Xếp loại	
1	Bùi Kim Anh	24/01/2006	87	Tốt	
2	Đặng Thị Minh Anh	20/9/2005	73	Khá	
3	Lương Thị Kim Anh	29/8/2006	72	Khá	
4	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	24/7/2006	75	Khá	
5	Lưu Thị Kim Dung	27/4/2006	72	Khá	
6	Vũ Thị Diễm Hạnh	17/8/2006	76	Khá	
7	Ngô Ngọc Hùng	21/4/2006	70	Khá	
8	Nguyễn Bá Hùng	30/9/2006	72	Khá	
9	Ngô Ngọc Khuê	07/9/2006	84	Tốt	
10	Nguyễn Thị Hồng Lê	10/2/2005	71	Khá	
11	Đặng Thùy Linh	15/10/2006	76	Khá	
12	Nguyễn Thị Ái Linh	29/9/2005	84	Tốt	
13	Nguyễn Thị Khánh Linh	20/9/2006	76	Khá	
14	Nguyễn Thị Ly	14/11/2006	87	Tốt	
15	Trần Hải Nam	28/01/2006	70	Khá	
16	Hồ Hải Ninh	28/5/2006	74	Khá	
17	Trần Thị Ninh	04/6/2006	70	Khá	
18	Nguyễn Thị Quyên	03/8/2005	75	Khá	
19	Đào Thị Thắm	01/01/2006	76	Khá	
20	Lê Thị Ngọc Thúy	02/3/2006	75	Khá	
21	Phạm Quang Tiền	23/11/2002	70	Khá	
22	Bùi Thị Thu Uyên	29/12/2006	75	Khá	
23	Trần Thị Xuân	30/3/2006	60	Trung bình	

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ I	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)
1	Xuất sắc	0	0.0
2	Tốt	4	17.4
3	Khá	18	78.3
4	Trung bình	1	4.3
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		23	100.0

NGƯỜI LẬP

Trịnh Thị Khuyên

TP.CTCT&QLHSSV

Nguyễn Thị Ái Hương

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC K14A9
Học kỳ I - Năm học 2024-2025 (Kỳ 1)

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC KỲ 1		Ghi chú
			Tổng điểm	Xếp loại	
1	Lê Thị Phương Anh	21/8/2005	79	Khá	
2	Vũ Thị Huyền Anh	23/10/2006	74	Khá	
3	Phan Văn Đại	09/6/2003	78	Khá	
4	Trần Thị Kim Giang	09/6/2006	82	Tốt	
5	Nguyễn Hoàng Kim Hào	16/7/2006	83	Tốt	
6	Hà Xuân Hòa	05/10/2006	90	Xuất sắc	
7	Nguyễn Thị Ngọc Linh	21/12/2001	80	Tốt	
8	Nguyễn Thị Lý	07/7/1994	75	Khá	
9	Phan Thị Ngọc Ngà	02/12/2006	81	Tốt	
10	Trần Thị Nhung	13/02/2002	78	Khá	
11	Nguyễn Thị Ninh	05/02/2005	78	Khá	
12	Bùi Quang Phú	10/12/2005	51	Trung bình	
13	Nguyễn Thị Thu Phương	20/6/2006	77	Khá	
14	Bùi Thị Phụng	09/01/2006	75	Khá	
15	Nguyễn Thị Thảo	13/3/2006	72	Khá	
16	Lương Thị Thom	25/01/2006	89	Tốt	
17	Nguyễn Thị Kim Thư	18/4/2006	77	Khá	
18	Trần Thị Anh Thư	01/8/2006	73	Khá	
19	Lê Thị Quỳnh Trang	01/8/2004	71	Khá	
20	Nguyễn Hà Vi	02/2/2006	84	Tốt	

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ I	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)
1	Xuất sắc	1	5.0
2	Tốt	6	30.0
3	Khá	12	60.0
4	Trung bình	1	5.0
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		20	100.0

NGƯỜI LẬP

Trịnh Thị Khuyên

TP.CTCT&QLHSSV

Nguyễn Thị Ái Hương

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC K14A10

Học kỳ I - Năm học 2024-2025 (Kỳ 1)

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC KỲ I		Ghi chú
			Tổng điểm	Xếp loại	
1	Phùng Thị Thu Anh	26/6/2006	77	Khá	
2	Trịnh Phương Anh	16/9/2006	77	Khá	
3	Lý Phương Chi	11/8/2006	80	Tốt	
4	Trần Hà Chi	29/11/2006	82	Tốt	
5	Bùi Thanh Hương	03/4/2006	78	Khá	
6	Nguyễn Thị Thu Hương	20/9/2006	77	Khá	
7	Trần Thị Lan	21/6/2006	76	Khá	
8	Đào Thị Lành	11/6/2005	75	Khá	
9	Trần Thị Thùy Linh	28/01/2006	76	Khá	
10	Nguyễn Thị Loan	15/12/2006	76	Khá	
11	Nguyễn Cẩm Ly	05/02/2006	65	Trung bình	
12	Đào Thị Ngân	16/8/2006	71	Khá	
13	Lê Thị Thanh	21/10/2006	75	Khá	
14	Lưu Thị Thu Thủy	23/01/2006	89	Tốt	
15	Nguyễn Thị Anh Trang	18/4/2003	87	Tốt	
16	Nguyễn Thị Thảo Vân	29/11/2004	88	Tốt	
17	Bùi Đình Văn	26/6/2004	74	Khá	

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ I	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)
1	Xuất sắc	0	0
2	Tốt	5	29.4
3	Khá	11	64.7
4	Trung bình	1	5.9
5	Yếu	0	0
Tổng số SV		17	100

NGƯỜI LẬP

Trịnh Thị Khuyên

TP.CTCT&QLHSSV

Nguyễn Thị Ái Hương

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC K14A11
Học kỳ I - Năm học 2024-2025 (Kỳ 1)

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC KỲ I		Ghi chú
			Tổng điểm	Xếp loại	
1	Phạm Nguyễn Hà An	25/10/2006	66	Trung bình	
2	Nguyễn Kiều Anh	01/6/2006	81	Tốt	
3	Trần Thị Phương Anh	20/02/2006	69	Trung bình	
4	Vũ Cẩm Anh	07/11/2006	50	Trung bình	
5	Nguyễn Gia Bách	01/12/2006	63	Trung bình	
6	Nguyễn Linh Chi	24/10/2006	87	Tốt	
7	Nguyễn Thanh Hiền	04/3/2006	89	Tốt	
8	Nguyễn Thị Hiền	24/9/2006	65	Trung bình	
9	Nguyễn Thúy Hiền	29/5/2006	77	Khá	
10	Lê Việt Hoàng	05/10/1998	92	Xuất sắc	
11	Hà Thùy Linh	14/01/2006	77	Khá	
12	Lê Kim Ngân	05/9/2006	80	Tốt	
13	Đinh Minh Nguyệt	02/3/2006	76	Khá	
14	Lê Ánh Nguyệt	19/8/2006	78	Khá	
15	Nguyễn Thị Nguyệt	04/8/2006	78	Khá	
16	Nguyễn Thị Yên Nhi	18/4/2006	70	Khá	
17	Lê Kim Oanh	18/10/2005	68	Trung bình	
18	Dương Mai Phương	27/10/2006	52	Trung bình	
19	Nguyễn Thị Phương Thảo	05/3/2006	71	Khá	
20	Phạm Phương Thảo	27/01/2004	91	Xuất sắc	
21	Trần Thị Ánh Thơ	16/7/2005	88	Tốt	
22	Nguyễn Thị Thúy	20/5/2006	76	Khá	
23	Lê Thị Ngân Trang	19/12/2006	61	Trung bình	
24	Phạm Huyền Trang	05/01/2006	90	Xuất sắc	

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ I	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)
1	Xuất sắc	3	12.5
2	Tốt	5	20.8
3	Khá	8	33.3
4	Trung bình	8	33.3
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		24	100

NGƯỜI LẬP

Trịnh Thị Khuyên

TP.CTCT&QLHSSV

Nguyễn Thị Ái Hương



HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC K14A12
Học kỳ I - Năm học 2024-2025 (Kỳ 1)

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC KỲ I		Ghi chú
			Tổng điểm	Xếp loại	
1	Nguyễn Hải Anh	17/8/2006	70	Khá	
2	Nguyễn Thị An Chinh	18/12/2006	87	Tốt	
3	Phạm Tiến Đạt	13/01/2004	79	Khá	
4	Nguyễn Thị Thanh Hằng	11/12/2006	74	Khá	
5	Đỗ Thị Hậu	09/7/2006	79	Khá	
6	Lê Xuân Hùng	24/6/2006	67	Trung bình	
7	Vũ Thị Lan	24/6/2006	87	Tốt	
8	Vũ Thị Thùy Linh	03/5/2006	80	Tốt	
9	Trần Thị Thùy Linh	29/3/2006	71	Khá	
10	Đào Xuân Lộc	02/9/2001	91	Xuất sắc	
11	Phạm Thị Trà My	28/02/2005	71	Khá	
12	Đồng Thị Linh Nhi	02/12/2006	75	Khá	
13	Nguyễn Thị Minh Phương	03/8/2006	80	Tốt	
14	Nguyễn Thị Thu Phương	14/10/2006	67	Trung bình	
15	Cầm Lệ Quyên	12/9/2006	70	Khá	
16	Phạm Thị Hương Quỳnh	15/12/2006	71	Khá	
17	Đào Thị Thanh Thảo	12/10/2006	70	Khá	
18	Nguyễn Phương Thảo	22/11/2006	87	Tốt	
19	Dương Thị Thủy	20/5/2006	79	Khá	
20	Nguyễn Duy Tiến	20/3/2006	71	Khá	
21	Phạm Huyền Trang	12/01/2006	79	Khá	

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ I	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)
1	Xuất sắc	1	4.8
2	Tốt	5	23.8
3	Khá	13	61.9
4	Trung bình	2	9.5
5	Yếu	0	0
Tổng số SV		21	100

NGƯỜI LẬP

Trịnh Thị Khuyên

TP.CTCT&QLHSSV

Nguyễn Thị Ái Hương



HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC K14A13

Học kỳ I - Năm học 2024-2025 (Kỳ 1)

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC KỲ I		Ghi chú
			Tổng điểm	Xếp loại	
1	Lê Thị Lan Anh	29/01/2006	80	Tốt	
2	Phan Mỹ Anh	23/8/2006	80	Tốt	
3	Nguyễn Thị Bắc	14/3/2006	80	Tốt	
4	Vũ Kim Chi	18/9/2006	78	Khá	
5	Tạ Thị Thanh Hoa	23/5/2006	77	Khá	
6	Nguyễn Thị Hương	22/10/2006	79	Khá	
7	Đỗ Thị Thanh Huyền	16/6/2006	81	Tốt	
8	Phạm Thanh Huyền	08/7/2006	80	Tốt	
9	Bùi Thị Khánh	14/10/2006	79	Khá	
10	Bùi Thị Mai Lan	05/7/2006	71	Khá	
11	Nguyễn Thị Huyền Linh	22/8/2006	75	Khá	
12	Nguyễn Đình Lượng	30/7/2006	72	Khá	
13	Nguyễn Thị Cẩm Ly	09/02/2006	89	Tốt	
14	Lê Ngọc Mai	24/9/2005	72	Khá	
15	Trịnh Thị Tuyết Mai	04/11/2006	86	Tốt	
16	Vũ Thị Thúy Ngân	02/9/2006	82	Tốt	
17	Trương Yến Nhi	12/4/2006	67	Trung bình	
18	Nguyễn Diệu Thúy	30/12/2003	83	Tốt	
19	Ngô Thị Quỳnh Trang	29/11/2006	81	Tốt	
20	Nguyễn Thùy Trang	16/01/2006	77	Khá	
21	Phạm Thu Trang	12/8/2006	73	Khá	

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ I	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)
1	Xuất sắc	0	0.0
2	Tốt	10	47.6
3	Khá	10	47.6
4	Trung bình	1	4.8
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		21	100.0

NGƯỜI LẬP

Trịnh Thị Khuyên

TP.CTCT&QLHSSV

Nguyễn Thị Ái Hương



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC K14A14

Học kỳ I - Năm học 2024-2025 (Kỳ 1)

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC KỲ 1		Ghi chú
			Tổng điểm	Xếp loại	
1	Vũ Trần Mai Anh	24/11/2006	80	Tốt	
2	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	08/12/2006	74	Khá	
3	Bùi Hương Giang	10/6/2006	78	Khá	
4	Nguyễn Hương Giang	25/7/2006	84	Tốt	
5	Nguyễn Thu Hằng	17/11/2005	70	Khá	
6	Phạm Thị Hạnh	16/02/2005	78	Khá	
7	Nguyễn Thị Thu Hiền	09/10/2006	70	Khá	
8	Nguyễn Gia Hiếu	04/11/2003	80	Tốt	
9	Nguyễn Minh Huyền	04/12/2006	73	Khá	
10	Nguyễn Thùy Linh	20/12/2006	79	Khá	
11	Dương Thị Trà My	24/10/2006	81	Tốt	
12	Ma Thị Lan Na	20/01/2006	81	Tốt	
13	Hồ Thái Nguyên	19/5/2006	72	Khá	
14	Phùng Thị Thảo Nguyên	15/7/2005	70	Khá	
15	Bùi Thị Thu Nguyệt	01/5/2006	73	Khá	
16	Nguyễn Phương Quyên	29/7/2006	63	Trung bình	
17	Đỗ Thị Thanh Thảo	19/10/2006	88	Tốt	
18	Vũ Thị Thảo	03/9/2006	77	Khá	
19	Phạm Thị Thủy	23/5/2006	77	Khá	
20	Lê Thị Thanh Tuyền	31/12/2006	76	Khá	
21	Đặng Thị Thảo Uyên	22/11/2006	75	Khá	
22	Nguyễn Thị Thảo Vân	17/4/2006	73	Khá	
23	Đào Thị Kim Yến	12/10/2006	90	Xuất sắc	

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ I	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)
1	Xuất sắc	1	4.3
2	Tốt	6	26.1
3	Khá	15	65.2
4	Trung bình	1	4.3
5	Yếu	0	0
Tổng số SV		23	100

NGƯỜI LẬP

Trịnh Thu Khuyên

TP.CTCT&QLHSSV

Nguyễn Thị Ai Hương

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC K14A15

Học kỳ I - Năm học 2024-2025 (Kỳ 1)

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC KỲ I		Ghi chú
			Tổng điểm	Xếp loại	
1	Đặng Thị Phương Anh	28/3/2005	76	Khá	
2	Nguyễn Thị Phương Anh	15/3/2003	88	Tốt	
3	Đinh Thị Mỹ Duyên	28/8/2004	76	Khá	
4	Hà Minh Giang	20/8/2006	77	Khá	
5	Võ Thị Hằng	20/7/1994	83	Tốt	
6	Nguyễn Thị Hậu	17/9/2006	74	Khá	
7	Nguyễn Tuyết Lan	16/3/2005	47	Yếu	
8	Nguyễn Thị Linh	18/01/2006	77	Khá	
9	Bùi Thị Khánh Ly	30/01/2006	74	Khá	
10	Phạm Thị Mai	31/8/2006	78	Khá	
11	Hoàng Tuấn Minh	01/8/2003	84	Tốt	
12	Nông Thị Yến Nhi	21/8/2006	75	Khá	
13	Nguyễn Mạnh Phúc	14/4/2006	71	Khá	
14	Trần Diệu Thảo	23/02/2006	72	Khá	
15	Phan Hoài Thu	03/10/2006	83	Tốt	
16	Lưu Thị Trâm	17/01/2006	70	Khá	
17	Đào Thị Quỳnh Trang	25/5/2006	70	Khá	
18	Lý Thị Ánh Tuyết	18/9/2006	90	Xuất sắc	
19	Hoàng Phương Uyên	05/7/2006	76	Khá	

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ I	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)
1	Xuất sắc	1	5.3
2	Tốt	4	21.1
3	Khá	13	68.4
4	Trung bình	0	0.0
5	Yếu	1	5.3
Tổng số SV		19	100.0

NGƯỜI LẬP

Trịnh Thị Khuyên

TP.CTCT&QLHSSV

Nguyễn Thị Ái Hương



HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC K14A16

Học kỳ I - Năm học 2024-2025 (Kỳ 1)

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC KỲ I		Ghi chú
			Tổng điểm	Xếp loại	
1	Nguyễn Phương Anh	10/4/2006	75	Khá	
2	Nguyễn Thị Cách Cách	14/10/2005	65	Trung bình	
3	Nguyễn Thị Diễm	19/8/2004	75	Khá	
4	Trịnh Thị Duyên	14/02/2003	75	Khá	
5	Cao Hoàng Minh Đức	07/7/2006	64	Trung bình	
6	Đinh Thị Hiền	27/02/2005	76	Khá	
7	Trương Thu Huyền	06/9/2006	79	Khá	
8	Trịnh Hữu Lâm	19/10/2006	52	Trung bình	
9	Nguyễn Thị Mai	01/11/2006	78	Khá	
10	Bùi Thị Ngân	08/8/2006	73	Khá	
11	Dương Thị Kim Ngân	03/12/2005	74	Khá	
12	Võ Cao Nguyên	13/11/1998	75	Khá	
13	Phạm Thị Yên Nhi	15/11/2006	75	Khá	
14	Bùi Thị Phụng	17/8/2006	80	Tốt	
15	Đào Thanh Thảo	09/8/2006	82	Tốt	
16	Nguyễn Phương Thảo	24/3/2006	74	Khá	
17	Hà Thanh Thúy	24/8/2006	80	Tốt	
18	Nguyễn Thị Thủy Tiên	27/4/2006	59	Trung bình	
19	Nguyễn Quang Trung	20/12/2005	73	Khá	
20	Nguyễn Thị Cẩm Tú	08/9/2006	77	Khá	
21	Phạm Thị Hồng Tươi	31/01/2006	79	Khá	
22	Lê Thị Hà Vy	31/5/2006	70	Khá	

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ I	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)
1	Xuất sắc	0	0.0
2	Tốt	3	13.6
3	Khá	15	68.2
4	Trung bình	4	18.2
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		22	100.0

NGƯỜI LẬP

Trịnh Thị Khuyên

TP.CTCT&QLHSSV

Nguyễn Thị Ái Hương



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC K14A17
Học kỳ I - Năm học 2024-2025 (Kỳ 1)

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC KỲ I		Ghi chú
			Tổng điểm	Xếp loại	
1	Lê Thị Ngọc Ánh	06/02/1999	88	Tốt	
2	Đặng Thị Kim Chi	01/3/2006	80	Tốt	
3	Đỗ Thị Hoa	13/9/1998	78	Khá	
4	Lò Thị Kim Hương	31/3/2005	73	Khá	
5	Nguyễn Thị Lan Hương	28/8/2006	78	Khá	
6	Đỗ Khánh Linh	17/11/2006	76	Khá	
7	Ngô Bảo Khánh Linh	06/01/2006	71	Khá	
8	Nguyễn Thùy Linh	02/8/1998	77	Khá	
9	Nguyễn Ngọc Minh	16/12/2006	78	Khá	
10	Bùi Thị Nhi	09/11/1993	76	Khá	
11	Nguyễn Thị Ngọc Nhi	18/7/2006	78	Khá	
12	Phạm Minh Phương	03/2/2003	81	Tốt	
13	Nguyễn Thị Thanh Tâm	22/02/1998	60	Trung bình	
14	Lưu Phương Thanh	10/7/2003	84	Tốt	
15	Bùi Huyền Trang	28/02/2006	76	Khá	
16	Nguyễn Vi Kiều Trang	03/12/2006	75	Khá	
17	Nguyễn Thị Thảo Vân	24/12/2006	70	Khá	
18	Nguyễn Hương Giang	09/11/2006	87	Tốt	
19	Phạm Thùy Linh	02/05/2006	83	Tốt	
20	Trần Duy Lương	17/04/2005	78	Khá	
21	Vũ Đức Anh	29/11/2006	76	Khá	
22	Mai Văn Tuấn	10/05/2003	71	Khá	
23	Phùng Thế Phương	17/09/1994	70	Khá	

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ I	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)
1	Xuất sắc	0	0.0
2	Tốt	6	26.1
3	Khá	16	69.6
4	Trung bình	1	4.3
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		23	100.0

NGƯỜI LẬP

Trịnh Thị Khuyên

TP.CTCT&QLHSSV

Nguyễn Thị Ái Hương



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Trường

